TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quan Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Bùi Lê Phú Quý là thư ký Toà án nhân dân huyện V.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2018/TLST- HNGĐ ngày 04/12/2018, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Xuân T, sinh năm 1992; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 233B, ấp A, xã D, huyện V, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1997; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 690, ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 15/10/2018 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Mai Xuân T trình bày:

Anh T và chị M tự nguyện cưới nhau vào năm 2014, không đăng ký kết hôn, hôn nhân sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống và thật sự xa nhau

từ đầu năm 2018 đến nay. Quá trình sống chung anh T và chị M không có con chung, không nợ chung và không tài sản chung.

Nay anh T yêu cầu xin ly hôn với chị M, về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Phạm Thị M trình bày:

Chị M và anh T tự nguyện cưới nhau vào năm 2014, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng không tin tưởng nhau thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến vợ chồng xa nhau từ đầu 2018 đến nay. Quá trình sống chung chị M và anh T không có con chung, không nợ chung và không tài sản chung.

Nay chị M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Việc anh Mai Xuân T xin ly hôn với chị Phạm Thị M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh T và chị M thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị M có địa chỉ cư trú: Số 690, ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân;

Xét thấy anh Mai Xuân T và chị Phạm Thị M tự nguyện sống với nhau như vợ chồng, anh chị đã đủ các điều kiện kết hôn theo luật định nhưng anh chị không tiến hành đăng ký và thực hiện theo nghi thức kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị M, chị M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"

Từ điều luật dẫn giải trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh T và việc chị M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Do đó đường lối xét xử là không công nhận anh Mai Xuân T với chị Phạm Thị M là quan hệ vợ chồng mới phù hợp khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có, anh T và chị M không yêu cầu giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Anh T và chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, 81, 82, 83, 107 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Mai Xuân T với chị Phạm Thị M là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Không có, anh T và chị M không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản: Anh T và chị M không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T và chị M không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Anh Mai Xuân T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003414 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

6. Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện KSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Quan Nam